TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**02/** 2019/HNGĐ - ST
Ngày: 21/01/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Chử Phương Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Tuyên**

Bà **Nguyễn Bích Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Hà –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn – TP. Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn *tham gia phiên toà:* Bà **Lê Thị Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 591/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị ***Nguyễn Thị L***, sinh năm 1994

HKTT: Xóm N, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh ***Nguyễn Văn D***, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội

Có mặt chị L, vắng mặt anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị L trình bày:**

-Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Văn D tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống ngày 11/6/2017, có tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, thành phố Hà Nội ngày 30/5/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với gia đình anh D tại xóm N, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không quan tâm lo lắng cho gia đình. Anh D đi làm về thì chỉ đưa tiền cho chị 1, 2 tháng đầu sau đó thì anh D ham chơi game bỏ việc công ty dẫn đến nợ nần, nhiều lần chị phải trả nợ thay cho anh D. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh D nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Ngày 27/7/2018 chị thấy không còn tình cảm gì với anh D và không muốn tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên chị đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố C, phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Gia đình anh D có đến gọi chị về vài lần nhưng chị không về. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D, vợ chồng cũng chưa có con chung nên không có ràng buộc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị và anh D không có con chung. Hiện tại chị không có thai.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về chỗ ở sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn D:**

Quá trình giải quyết vụ án, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án làm việc.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình

+ Chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn anh D.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 11/01/2019 anh D vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh D, nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay anh D vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị L kết hôn cùng anh Nguyễn Văn D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01/2017 ngày 30/5/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến thánh 7/2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D ham chơi dẫn đến nợ nần, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Ngày 27/7/2018 chị L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng ly thân. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Xét thấy để tồn tại quan hệ hôn nhân thì hai bên đều cùng phải có trách nhiệm, yêu thương, tôn trọng nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Bên cạnh đó bản thân anh D biết được việc chị L xin ly hôn nhưng anh cũng không đến Tòa án để bảo vệ hôn nhân của mình. Như vậy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị không có con chung, chị L không có thai nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Anh D không có ý kiến gì, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 235 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ, chị L phải chịu. Chị được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001505 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận
- *VKSND H. Sóc Sơn;*
- *THADS H. Sóc Sơn;*
- *Toà án Hà Nội;*
- *UBND xã H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Chử Phương Ngọc